

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2024

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL
(Dự thảo)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Công trình Viettel;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông số /BB-ĐHĐCĐ ngày /2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo số 01/BC-VCC ngày 02/04/2024 của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động 2023, định hướng năm 2024.

Điều 2. Thông qua Báo cáo số 03/BC-VCC ngày 02/04/2024 của Ban Điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024. Một số chỉ tiêu chính như sau:

2.1. Kết quả kinh doanh năm 2023.

- Số liệu công ty hợp nhất:

TT	Tên chỉ tiêu	TH 2022	Năm 2023			So với 2022	
			KH	TH	%KH	Δ	%
I	Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)						
1	Tổng doanh thu	9.495,3	10.338,1	11.398,6	110%	1.903,3	20,0%
2	Tổng chi phí	8.925,0	9.724,9	10.753,8	111%	1.828,8	20,5%
3	LNTT	570,3	613,2	644,8	105%	74,5	13,1%
4	LNST	455,2	487,0	515,9	106%	60,7	13,3%
II	Chỉ tiêu hiệu quả						
1	ROA (%)	9,08%	9,20%	7,95%	86%	-1,13%	-12,5%
2	ROE (%)	30,87%	28,00%	28,46%	102%	-2,41%	-7,8%

- Số liệu công ty mẹ:

TT	Tên chỉ tiêu	TH 2022	TH 2023			So với 2022	
			KH	TH	%KH	Δ	%
I	Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)						

TT	Tên chỉ tiêu	TH 2022	TH 2023			So với 2022	
			KH	TH	%KH	Δ	%
1	Tổng doanh thu	8.335,3	9.256,1	9.847,9	106%	1.512,6	18,1%
2	Tổng chi phí	7.789,8	8.666,6	9.225,5	106%	1.435,7	18,4%
3	LNTT	545,5	589,5	622,4	106%	76,9	14,1%
4	LNST	439,2	471,6	500,3	106%	61,1	13,9%
II	Chỉ tiêu hiệu quả						
1	ROA (%)	9,39%	8,90%	8,32%	93%	-1,07%	-11,38%
2	ROE (%)	30,53%	26,40%	28,71%	109%	-1,82%	-5,98%

2.2. Kế hoạch kinh doanh năm 2024:

- Chỉ tiêu hợp nhất

TT	Chỉ tiêu hợp nhất	TH 2023	KH 2024	So với 2023	
				Δ	%
I	Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)				
1	Tổng doanh thu	11.398,6	12.653,0	1.254,4	11,0%
2	Tổng chi phí	10.753,8	11.982,0	1.228,2	11,4%
3	LNTT	644,8	671,4	26,6	4,1%
4	LNST	515,9	531,7	15,8	3,1%
II	Chỉ tiêu hiệu quả (%)				
1	ROA	7,95%	6,80%	-1,2%	-14,5%
2	ROE	28,46%	24,70%	-3,8%	-13,2%

- Chỉ tiêu công ty mẹ

TT	Chỉ tiêu công ty mẹ	TH 2023	KH 2024	So với 2023	
				Δ	%
I	Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)				
1	Tổng doanh thu	9.847,9	11.262,0	1.414	14,4%
2	Tổng chi phí	9.225,5	10.624,0	1.399	15,2%
3	LNTT	622,4	638,0	16	2,5%
4	LNST	500,3	509,2	9	1,8%
II	Chỉ tiêu hiệu quả (%)				
1	ROA	8,32%	7,00%	-1,3%	-15,9%
2	ROE	28,71%	24,70%	-4,0%	-14,0%

Điều 3. Thông qua Báo cáo số 06/BC-VCC ngày 02/04/2024 của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		
		Giá trị (triệu đồng)	% VDL	% LNST
1.	Vốn điều lệ đầu kỳ	1.143.859		
2.	Tổng LNST	539.117	47,13%	
-	LNST thực hiện trong kỳ	500.329		

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		
		Giá trị (triệu đồng)	% VDL	% LNST
-	LNST để lại kỳ trước	38.788		
3.	Đề xuất PPLN	538.630		
3.1	Trích Quỹ ĐTPT	100.000	9%	20%
3.2.	Trích Quỹ KTPL	125.000	11%	25%
3.3.	Trích thưởng Người quản lý	2.500	0,2%	0,5%
3.4.	Trả cổ tức	311.130	27,20%	-
-	Bằng tiền mặt	311.130	27,20%	
-	Bằng cổ phiếu	-		
4.	LNST chưa phân phối	487		

- ĐHCĐ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT xem xét, quyết định mức thưởng, hình thức thưởng và phương án thưởng cụ thể cho các cá nhân cho mục 3.3 nêu trên.

- Đối với việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: Giao Tổng Giám đốc Tổng công ty phân bổ tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi trên cơ sở nhu cầu chi thực tế và quy định pháp luật và nội bộ của Tổng Công ty

Điều 6. Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một Công ty Kiểm toán trong danh sách các công ty nêu trên theo đề xuất của Ban Kiểm soát và giao Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng dịch vụ kiểm toán với Công ty Kiểm toán được chọn để thực hiện kiểm toán hoặc soát xét Báo cáo tài chính bán niên (6 tháng) và Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty theo quy định của Pháp luật và Quy chế nội bộ của Công ty. Danh sách các công ty bao gồm:

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
- Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA)
- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Điều 7. Thông qua tờ trình mức thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và đề xuất mức thù lao cho năm 2024 như sau:

1. Quyết toán lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023:

1.1. Hội đồng quản trị: Tổng mức thù lao, lương năm 2023 là: 5,17 tỷ đồng, trong đó:

- **Thù lao cho thành viên HĐQT không chuyên trách:**
 - + Thù lao cho Chủ tịch HĐQT: 10 triệu đồng/tháng.
 - + Thù lao cho thành viên độc lập HĐQT: 22 triệu đồng/tháng.
 - + Thù lao cho các thành viên HĐQT khác: 7 triệu đồng/người/tháng.
- **Lương cho thành viên HĐQT chuyên trách:**

Thực hiện chi trả theo Quy chế lương của Tổng Công ty và thực hiện đúng theo Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua.

1.2. Ban Kiểm soát: Tổng mức thù lao, lương năm 2023 là: 2,03 tỷ đồng trong đó:

- **Thù lao cho Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách:**

+ Thù lao cho Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 5 triệu đồng/người/tháng.

- **Lương cho Ban Kiểm soát chuyên trách:**

Thực hiện chi trả theo Quy chế lương của Tổng Công ty và thực hiện đúng theo Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua.

(Các số liệu trên không bao gồm thưởng từ quỹ thưởng cho Người quản lý trong trường hợp ĐHĐCD thông qua).

1.3. Chi phí hoạt động 2023: Tổng chi phí hoạt động 2023 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: 879 triệu đồng.

2. Đề xuất mức lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, năm 2024:

2.1. Đề xuất Thù lao, lương của HĐQT:

Dự kiến tổng mức thù lao, lương của HĐQT năm 2024 là 6,67 tỷ đồng, trong đó thù lao cho Thành viên HĐQT không chuyên trách:

+ Thù lao cho Chủ tịch HĐQT: 10 triệu đồng/tháng

+ Thù lao cho thành viên độc lập HĐQT: 22 triệu đồng/tháng

+ Thù lao cho các thành viên HĐQT khác: 7 triệu đồng/người/tháng.

Lương của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT chuyên trách: Chi trả theo Quy chế lương và các Quy chế nội bộ của Tổng công ty trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

2.2. Đề xuất Thù lao, lương của Ban kiểm soát:

Dự kiến tổng mức thù lao, lương của Ban kiểm soát năm 2024 là 2,35 tỷ đồng, trong đó thù lao cho Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 5 triệu đồng/người/tháng.

Lương của thành viên Ban kiểm soát chuyên trách: Chi trả theo Quy chế lương và các Quy chế nội bộ của Tổng Công ty trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

2.3. Chi phí phục vụ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024:

Để thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi quyền hạn và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát sử dụng chi phí tuân thủ theo các Quy chế nội bộ mà Tổng Công ty ban hành. Dự kiến chi phí hoạt động 2024 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: 2,5 tỷ đồng.

Điều 8. Thông qua Tờ trình số 04/TTr-VCC ngày 02/04/2024 của Hội đồng Quản trị về việc chấp thuận Hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội.

Điều 9. Thông qua tờ trình số 05/TTr-VCC ngày 02/04/2024 của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Điều 10. Điều khoản thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng Công ty có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- UBCK, Sở GDCK HCM;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Các cổ đông qua Website;
- Lưu: HĐQT. Quân 03.

ĐỖ MẠNH HÙNG